

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2019

V/v: Ly hôn giữa chị D và anh X

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Ông Nhâm Đức Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Phạm Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Kim D, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá X, sinh năm 1981

HKTT: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim D trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2007, chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X tự nguyện quen biết, yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc. Thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống

hàng ngày nên chị D và anh X cảm thấy không hợp nhau nữa và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh X và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị D và anh X có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 12-7-2008 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 02-9-2010, chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và cháu T. Đồng thời, chị D yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi 02 con, hàng tháng mỗi cháu 250.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Bá X trình bày tại phiên tòa:*

Anh X thống nhất với lời trình bày của chị D về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị D xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn vì thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh X đồng ý giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 12-7-2008 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 02-9-2010 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh thống nhất cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con, mỗi cháu 250.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim D và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04-3-2019 chị Đỗ Thị Kim D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Bá X. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo

Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X chung sống với nhau vào năm 2007, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị D và anh X không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh X.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 12-7-2008 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 02-9-2010. Chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và chị D yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi 02 con, hàng tháng mỗi cháu 250.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại 02 con chung của chị D và anh X đang do chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-4-2019 cháu Th và cháu T đều có nguyện vọng được sống chung với chị D. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay anh X có ý kiến thống nhất giao 02 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 250.000đ/tháng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị D và anh X là giao cháu Th và cháu T cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh X cấp dưỡng như nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh X đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Về án phí*: Chị D là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng; Tại phiên tòa chị D và anh X thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con nên anh X phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X là giao cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 12-7-2008 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 02-9-2010 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh X tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chung, mỗi cháu 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (12-6-2019) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang hoặc trực tiếp giao nhận.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh X không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận trên thì anh X còn phải trả cho chị D khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Kim D và anh Nguyễn Bá X đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng nhưng chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009562 ngày 05-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị D không phải nộp thêm. Anh Nguyễn Bá X phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân

